

Số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 03/5/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Xuân

Ông Nguyễn Đăng Bôi

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn V, sinh năm 1971; Nơi sinh: H; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Doãn Thị T; Vợ là Nguyễn Thị N và có hai con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Thành phố H

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đặng Văn C – Luật sư thuộc văn phòng luật sư C– Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt)

- *Người làm chứng*

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (Có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, H

Chị Lê Hiền Thục Q, sinh năm 1996 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Y, xã L, huyện T, H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 30/8/2017, Lê Văn V đến khu đất trống đối diện nhà V tại thôn P, xã T để đốt rác. Khi V đang đốt thì anh Trần Văn T đến đề nghị V không đốt nữa vì việc đốt rác gây ra khói làm ảnh hưởng đến những người xung quanh. Khoảng 5 phút sau, anh T vẫn thấy khói bay lên nên tiếp tục đề nghị V không đốt rác nữa nhưng V không dừng lại. Do vậy, hai bên đã cãi nhau và xảy ra xô xát. Anh T túm áo V, dùng tay phải đâm vào ngực, bụng V còn V dùng tay trái đâm 2 – 3 cái vào mặt, mũi anh T. Sau đó, V dùng tay trái nhặt, cầm một chiếc gậy gỗ dài khoảng 30cm đến 40cm, rộng khoảng 3cm, dày 2,5cm đến vạt hai cái theo hướng từ trái sang phải về phía tay, vai của anh T. Anh T lùi về phía sau, giờ hai tay lên ôm đầu thì bị V dùng gậy vạt trúng tay phải, bắp tay trái và trượt vào phần đầu anh T làm anh T bị chảy máu đầu và gãy gãy làm đôi. Thấy anh T bị chảy máu nên V không vạt nữa và ném đoạn gậy còn lại vào đồng cỏ pha gần đó rồi đi về nhà. Anh T được một số người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện V.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/3/2018, Lê Văn V đã bồi thường cho anh Trần Văn T 15.702.038 đồng, anh T đã nhận tiền và không đề nghị thêm khoản nào khác về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT – VKSTT ngày 30/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Văn V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015) đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 24 tháng đến 30 tháng

tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Giao bị cáo Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm b, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) đoạn gậy màu nâu, loại vàng nâu, loại gỗ cốt pha xây dựng dài 81,5cm, rộng 3,5cm, dày 2cm; 01 (một) đoạn gậy gỗ cốt pha được ghép lại bởi 2 đoạn gỗ dài 8,5cm, dày 5cm, rộng 6cm không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn V trình bày bản bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện ngày 30/8/2017, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 30/8/2017, do mâu thuẫn về

việc đốt rác giữa Lê Văn V với anh Trần Văn T tại khu đất trống ở thôn P, xã T, huyện T, H, Lê Văn V đã dùng tay đấm vào mặt, người và dùng gậy gỗ vụt vào vào vai, tay, đầu anh Trần Văn T. Hậu quả, anh Trần Văn T bị 01 vết rách da ở vùng đầu (chằm); 01 vết xây xước da ở vùng cổ tay phía trước; 01 vết rách da ở vùng bắp tay trái; 01 vết bầm tím, tụ máu ở vùng dưới tai trái, vỡ xương chính mũi. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Trần Văn T là 13%.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015) như Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả cho người người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có vợ bị khuyết tật đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ, bố bị cáo được tặng thưởng huy chương chiến sĩ giải phóng, thương tích của người bị hại không lớn và người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015).

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo đã gây tổn hại đến sức khỏe của người khác nhưng hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ một phần lỗi của người bị hại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà phạt tù nhưng cho hưởng án treo là thỏa đáng.

Mặt khác, căn cứ vào Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, so sánh hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 với điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật

Hình sự 2015 thì quy định về hình phạt tại điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 nhẹ hơn nên áp dụng các quy định có lợi tại Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo.

5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác nên Tòa không xét.

6]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 2 Điều 104; điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 60, Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015); Áp dụng Khoản 3 Điều 7; điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Lê Văn V 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

3. Về xử lý tang vật: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) đoạn gậy màu nâu, loại vàng nâu, loại gỗ cốp pha xây dựng dài 81,5cm, rộng 3,5cm, dày 2cm; 01 (một) đoạn gậy gỗ cốp pha được ghép lại bởi 2 đoạn gỗ dài 8,5cm, dày 5cm, rộng 6cm, tang vật đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (biên bản giao ngày 04/4/2018).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Người bị hại; Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Trung Hòa

